



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Phố Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Nhà máy: Km35 Quốc lộ 10, Xã Quốc Tuấn, H. An Lão, TP. Hải Phòng
Tel: (84-225) 3525.195 - 3824.984 Fax: (84-225) 3824.562
Email: info@lilama69-2.com.vn Website: lilama69-2.com.vn



Số: ...28.../TCKT 2019

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2019

(V/v: Công bố BCTC riêng
sau kiểm toán độc lập năm 2018)

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**

2. Mã chứng khoán: **L62**

3. Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

4. Điện thoại: 02253.525 195 Fax: 02253.824 562

5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phùng Phương Linh**

6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính riêng sau kiểm toán độc lập năm 2018 của Công ty cổ phần Lilama 69-2 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

6.2 Công văn giải trình chênh lệch Doanh thu và Lợi nhuận năm 2018 và năm 2017.

6.3 Công văn giải trình chênh lệch Doanh thu lợi nhuận năm 2018 trước và sau kiểm toán.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: <http://www.lilama69-2.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nơi nhận:

- Như k. gửi,
- Lưu.

Phùng Phương Linh

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Phố Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
 Nhà máy: Km35 Quốc lộ 10, Xã Quốc Tuấn, H. An Lão, TP. Hải Phòng
 Tel: (84-225) 3525.195 - 3824.984 Fax: (84-225) 3824.562
 Email: info@lilama69-2.com.vn Website: lilama69-2.com.vn

Số: *26*...../TCKT 2019

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2019

(V/v: Giải trình chênh lệch KQ

SXKD riêng năm 2018 và năm 2017)

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
2. Mã chứng khoán: **L62**
3. Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
4. Điện thoại: 0313.525 195 Fax: 0313.824 562
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phùng Phương Linh**
6. Nội dung : (Giải trình chênh lệch kết quả SXKD riêng năm 2018 và năm 2017). Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BCT ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính, Công ty cổ phần LILAMA69-2 xin giải trình như sau:

- Một số chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)	So sánh
Doanh thu thuần	431.497.777.655	439.313.222.104	98,22 %
Lợi nhuận sau thuế	1.300.243.692	831.589.619	156,36 %

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần LILAMA 69-2 trong năm 2018 và năm 2017 tương đối ổn định, không có các thay đổi lớn. Công ty cổ phần LILAMA 69-2 là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp. Doanh thu, chi phí và lợi nhuận chung của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tiến độ và giai đoạn nghiệm thu của từng hợp đồng. Do đó, việc ghi nhận doanh thu, chi phí và lợi nhuận tại các thời điểm là khác nhau nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các kỳ báo cáo có sự chênh lệch. Đặc thù lại là ngành nghề có tỷ suất lợi nhuận không cao nên thay đổi không lớn về số tiền cũng có thể làm tỷ lệ so sánh biến động.

Trên đây là một số nguyên nhân dẫn đến chênh lệch kết quả sản xuất kinh doanh riêng sau kiểm toán giữa năm 2018 và năm 2017 của Công ty cổ phần LILAMA69-2.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: <http://www.lilama69-2.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ THÔNG TIN****Phùng Phương Linh****Nơi nhận:**

- Như k. gửi,
- Lưu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Phố Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
 Nhà máy: Km35 Quốc lộ 10, Xã Quốc Tuấn, H. An Lão, TP. Hải Phòng
 Tel: (84-225) 3525.195 - 3824.984 Fax: (84-225) 3824.562
 Email: info@lilama69-2.com.vn Website: lilama69-2.com.vn

Số: *21*...../TCKT 2019

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2019

(V/v: Giải trình chênh lệch KQ SXKD
 riêng năm 2018 trước và sau kiểm toán)

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
- Mã chứng khoán: **L62**
- Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
- Điện thoại: 0225 3.525 195 Fax: 0225 3.824 562
- Người thực hiện công bố thông tin: **Phùng Phương Linh**
- Nội dung : (Giải trình chênh lệch kết quả SXKD riêng năm 2018 trước và sau kiểm toán). Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BCT ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính, Công ty cổ phần LILAMA69-2 xin giải trình như sau:

- Một số chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	So sánh
Doanh thu thuần	431.497.777.655	431.497.777.655	100%
Lợi nhuận sau thuế	1.300.243.692	1.448.694.108	89,753%

- Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty đã đánh giá lại số dư ngoại tệ của khoản phải thu dẫn đến số liệu trước và sau kiểm toán có sự chênh lệch. Số tiền không chênh lệch lớn nhưng do lợi nhuận không cao nên số liệu biến động quá 5%.

Trên đây là một số nguyên nhân dẫn đến chênh lệch kết quả sản xuất kinh doanh riêng năm 2018 trước và sau kiểm toán của Công ty cổ phần LILAMA69-2.

- Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: <http://www.lilama69-2.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ THÔNG TIN****Nơi nhận:**

- Như k. gửi,
- Lưu.

**Phùng Phương Linh**

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	5
3	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động riêng</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng</i>	10 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 69-2 trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155547 ngày 29/12/2017, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng (Tám mươi hai tỷ, chín trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155547 ngày 29/12/2017 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2018 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Trương Đức Thành	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Vũ Kế Chương	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Đỗ Tiến Thành	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Minh	Thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

Ông Vũ Kế Chương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hóa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 01/12/2018

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Vũ Kế Chương, chức vụ Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Số: 044/2019/BCKTR-PB.00081

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lilama 69-2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2019, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 69-2 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0855-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tầng Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		488.607.366.647	481.529.663.452
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.614.657.520	8.263.726.876
1. Tiền	111		6.614.657.520	8.263.726.876
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		264.222.873.639	285.281.180.309
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	219.286.651.537	244.358.501.644
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.097.641.270	16.354.072.446
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	11.460.618.825
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	28.052.022.371	20.321.428.933
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.213.441.539)	(7.213.441.539)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		217.172.551.139	182.876.312.006
1. Hàng tồn kho	141	5.4	217.172.551.139	182.876.312.006
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		597.284.349	5.108.444.261
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5.a	597.284.349	544.533.417
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	4.364.225.504
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	199.685.340
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.311.967.687	106.580.084.120
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.544.006.015	2.063.361.253
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	2.544.006.015	2.063.361.253
II. Tài sản cố định	220		79.941.993.853	82.932.154.177
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	79.063.424.651	81.157.763.087
- Nguyên giá	222		165.867.324.878	160.814.716.052
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.803.900.227)	(79.656.952.965)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	878.569.202	1.774.391.090
- Nguyên giá	225		1.251.374.545	2.326.865.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(372.805.343)	(552.474.364)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	-
- Nguyên giá	228		935.731.847	935.731.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(935.731.847)	(935.731.847)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.9	22.477.198.912	16.280.050.603
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22.477.198.912	16.280.050.603
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.348.768.907	5.304.518.087
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5.b	5.348.768.907	5.304.518.087
TỔNG TÀI SẢN	270		598.919.334.334	588.109.747.572

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		489.641.178.558	479.968.310.819
I. Nợ ngắn hạn	310		471.499.436.820	454.353.961.964
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	69.614.391.878	130.723.759.673
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		60.296.597.537	14.270.130.074
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11a	1.729.173.184	3.422.836.417
4. Phải trả người lao động	314		1.574.556.728	2.822.086.480
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	57.643.711.879	19.418.710.847
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		11.698.432.274	23.750.530.927
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		570.000.000	570.000.000
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	10.517.464.107	12.389.456.679
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	256.868.368.531	246.173.843.911
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		986.740.702	812.606.956
II. Nợ dài hạn	330		18.141.741.738	25.614.348.855
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	18.141.741.738	25.614.348.855
III. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.278.155.776	108.141.436.753
1. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	109.278.155.776	108.141.436.753
Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		82.982.430.000	82.982.430.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.462.273	36.462.273
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.592.046.042	18.895.511.054
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.333.125.863	3.333.125.863
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.334.091.598	2.893.907.563
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.023.238.829	2.023.238.829
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.310.852.769	870.668.734
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		598.919.334.334	588.109.747.572



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Trần Thị Hường
Kế toán trưởng

Trần Thị Hằng
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	431.497.777.655	439.313.222.104
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		431.497.777.655	439.313.222.104
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	391.635.376.835	402.346.967.663
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.862.400.820	36.966.254.441
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	361.769.437	144.033.068
7. Chi phí tài chính	22	6.4	24.949.833.201	21.562.606.606
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>24.746.616.530</i>	<i>21.532.892.041</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		15.128.236.373	16.600.003.546
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		146.100.683	(1.052.322.643)
11. Thu nhập khác	31		7.437.368.881	2.703.748.768
12. Chi phí khác	32		5.909.815.135	527.954.071
13. Lợi nhuận khác	40		1.527.553.746	2.175.794.697
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.673.654.429	1.123.472.054
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	373.410.737	291.882.435
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.300.243.692	831.589.619



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Trần Thị Hương
Kế toán trưởng

Trần Thị Hằng
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	471.305.418.784	415.268.131.315
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(390.096.118.175)	(333.159.373.476)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(57.392.325.597)	(72.759.898.070)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(26.189.147.600)	(20.118.539.717)
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(2.654.787.981)	(573.680.668)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	18.597.294.646	11.801.564.939
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(12.874.159.896)	(44.978.009.629)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	696.174.181	(44.519.805.306)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.586.766.409)	(16.902.797.800)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.782.540	51.255.030
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.551.983.869)	(16.851.542.770)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ	31	-	12.702.400.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	291.486.050.389	324.075.845.018
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(287.882.911.562)	(269.447.139.166)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(381.221.324)	(519.242.676)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.221.917.503	66.811.863.176
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.633.892.185)	5.440.515.100
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.263.726.876	2.814.814.625
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(15.177.171)	8.397.151
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.614.657.520	8.263.726.876



Vũ Kế Chương
Tông Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Trần Thị Hương
Kế toán trưởng

Trần Thị Hằng
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng, tổng số cổ phần là 8.298.243 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31/12/2018, công ty có 01 chi nhánh hạch toán độc lập, cụ thể:

<u>Tên Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 - Xí nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu	Quận Hồng Bàng - thành phố Hải Phòng	Xây lắp

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.11 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

4.12 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	139.786.431	774.672.226
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.474.871.089	7.489.054.650
Cộng	6.614.657.520	8.263.726.876

5.2 Phải thu khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên không liên quan	219.286.651.537	205.968.471.342
- Công ty cổ phần Gas Việt Nhật	18.870.000.000	-
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Trí Đức	25.480.411.478	-
- Công ty cổ phần cơ khí và lắp máy Việt Nam - COLAVI - HĐ 160801 ngày 01/08/2016	18.064.085.789	33.288.478.432
- Công ty TNHH xây dựng dân dụng Olympia HĐ 99/2016	-	7.378.849.081
- C.ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng ánh Dương (HĐ: 148/2014/HĐ/ADC-Lilama 69-2 ngày 20/12/2014)	-	2.203.558.475
- Công ty TNHH CT điện lực Kaidi Vũ Hán Trung Quốc - VPĐH CT tại Quảng Ninh HĐ 020	5.251.845.934	4.178.885.365
- Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Olympia HĐ 616 - KS Accor Sapa	13.751.429.870	30.456.135.158
- Khách hàng khác	137.868.878.466	128.462.564.831
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	38.390.030.302
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	-	38.390.030.302
Cộng	219.286.651.537	244.358.501.644

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

5.3 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	28.052.022.371	-	20.321.428.933	-
- Ký cược, ký quỹ	7.483.112.124	-	2.388.067.978	-
- Phải thu khác	2.640.403.803	-	1.664.751.515	-
- Tạm ứng	17.928.506.444	-	16.268.609.440	-
Dài hạn	2.544.006.015	-	2.063.361.253	-
- Ký cược, ký quỹ	2.544.006.015	-	2.063.361.253	-
Cộng	30.596.028.386	-	22.384.790.186	-

5.4 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	42.412.128.019	-	13.958.140.695	-
Công cụ, dụng cụ	1.771.799.306	-	1.057.518.702	-
Chi phí SXKD dở dang	172.988.623.814	-	167.860.652.609	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	217.172.551.139	-	182.876.312.006	-

5.5 Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	597.284.349	544.533.417
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	199.167.696	166.533.417
- Chi phí thuê mặt bằng	296.039.588	378.000.000
- Các khoản khác	102.077.065	-
b. Dài hạn	5.348.768.907	5.304.518.087
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	53.637.834	30.705.469
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	139.930.556	-
- Các khoản khác	5.155.200.517	5.273.812.618
Cộng	5.946.053.256	5.849.051.504

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

5.6 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
Số cuối năm	-	935.731.847	935.731.847
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
Số cuối năm	-	935.731.847	935.731.847
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	77.035.500.907	45.190.630.035	38.032.276.280	556.308.830	-	160.814.716.052
- Mua trong năm	-	5.443.661.297	-	-	-	5.443.661.297
- Tăng khác (*)	-	1.075.490.909	-	-	-	1.075.490.909
- Thanh lý, nhượng bán	-	(160.110.476)	(1.187.881.386)	(118.551.518)	-	(1.466.543.380)
Số cuối năm	77.035.500.907	51.549.671.765	36.844.394.894	437.757.312	-	165.867.324.878
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	21.598.293.925	24.473.807.046	33.173.289.927	411.562.067	-	79.656.952.965
- Khấu hao trong năm	3.276.319.872	2.704.745.104	2.198.497.991	30.618.649	-	8.210.181.616
- Tăng khác	-	403.309.026	-	-	-	403.309.026
- Thanh lý, nhượng bán	-	(160.110.476)	(1.187.881.386)	(118.551.518)	-	(1.466.543.380)
Số cuối năm	24.874.613.797	27.421.750.700	34.183.906.532	323.629.198	-	86.803.900.227
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	55.437.206.982	20.716.822.989	4.858.986.353	144.746.763	-	81.157.763.087
Số cuối năm	52.160.887.110	24.127.921.065	2.660.488.362	114.128.114	-	79.063.424.651

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- (*): Mua lại tài sản cố định thuế tài chính là 28 máy hàn với giá trị 1.075.490.909 đồng theo Hợp đồng thuế tài chính số 12.15.02/CTTC ngày 04/03/2015 với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, bên thuê có quyền mua lại tài sản thuế tài chính sau 36 tháng kể từ ngày thuê với giá là 10.000.000 đồng. Kèm theo Biên bản thanh lý tài sản ngày 30/06/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

5.8 Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYỄN GIÁ			
Số đầu năm	2.326.865.454	-	2.326.865.454
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.075.490.909)	-	(1.075.490.909)
Số cuối năm	<u>1.251.374.545</u>	<u>-</u>	<u>1.251.374.545</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	552.474.364	-	552.474.364
- Khấu hao trong năm	223.640.005	-	223.640.005
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(403.309.026)	-	(403.309.026)
Số cuối năm	<u>372.805.343</u>	<u>-</u>	<u>372.805.343</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	<u>1.774.391.090</u>	<u>-</u>	<u>1.774.391.090</u>
Số cuối năm	<u>878.569.202</u>	<u>-</u>	<u>878.569.202</u>

5.9 Tài sản dở dang

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang		-		-
Các dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2016 trở về trước	9.803.558.586	9.803.558.586	10.145.868.869	10.145.868.869
Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2017	9.217.268.603	9.217.268.603	6.134.181.734	6.134.181.734
Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2018	3.456.371.723	3.456.371.723	-	-
Cộng	<u>22.477.198.912</u>	<u>22.477.198.912</u>	<u>16.280.050.603</u>	<u>16.280.050.603</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

5.10 Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	69.614.391.878	69.614.391.878	76.326.812.629	76.326.812.629
- C.ty CP Thương Mại và Dầu Tư Thành Phúc	2.760.202.285	2.760.202.285	3.410.904.327	3.410.904.327
- Công ty CP Thương Mại Thái Giang	1.093.024.489	1.093.024.489	2.294.831.806	2.294.831.806
- Công ty cổ phần cơ khí và lắp máy Việt Nam	72.677.868	72.677.868	14.773.098.104	14.773.098.104
- Peter Cremer (S) GMBH	9.448.319.992	9.448.319.992	-	-
- Phải trả khác	56.240.167.244	56.240.167.244	55.847.978.392	55.847.978.392
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	54.396.947.044	54.396.947.044
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	-	-	54.396.947.044	54.396.947.044
Cộng	69.614.391.878	69.614.391.878	130.723.759.673	130.723.759.673

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số cuối năm VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	3.422.836.417	5.300.802.304	3.422.836.417	5.300.802.304	6.994.465.537	6.994.465.537	1.729.173.184	1.729.173.184
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	4.205.975.871	-	4.205.975.871	3.512.509.999	3.512.509.999	693.465.872	693.465.872
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.971.861.267	428.146.871	2.971.861.267	428.146.871	2.654.787.981	2.654.787.981	745.220.157	745.220.157
- Thuế thu nhập cá nhân	450.975.150	412.173.462	450.975.150	412.173.462	572.661.457	572.661.457	290.487.155	290.487.155
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	250.506.100	-	250.506.100	250.506.100	250.506.100	-	-
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	-	4.000.000	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	3.422.836.417	5.300.802.304	3.422.836.417	5.300.802.304	6.994.465.537	6.994.465.537	1.729.173.184	1.729.173.184

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

5.12 Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	57.643.711.879	19.418.710.847
- Trích trước chi phí công trình	57.537.108.213	17.869.451.892
- Trích trước lãi vay phải trả	106.603.666	1.549.258.955
b) Dài hạn	-	-
Cộng	57.643.711.879	19.418.710.847

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	10.517.464.107	12.389.456.679
- Kinh phí công đoàn	2.268.163.694	1.836.147.445
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	1.823.109.149	2.463.352.995
- Bảo hiểm thất nghiệp	213.280.103	222.582.689
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.212.911.161	7.867.373.550
b) Dài hạn	-	-
Cộng	10.517.464.107	12.389.456.679

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

TT	Nội dung	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn		256.868.368.531	256.868.368.531	289.470.778.889	278.776.254.269	246.173.843.911	246.173.843.911
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng ⁽¹⁾	195.550.836.434	195.550.836.434	207.357.388.659	208.567.731.770	196.761.179.545	196.761.179.545
-	Ngân hàng TMCP An Bình ⁽²⁾	44.928.496.543	44.928.496.543	59.944.354.676	44.962.771.658	29.946.913.525	29.946.913.525
-	Ngân hàng TMCP quân đội ⁽³⁾	10.413.276.043	10.413.276.043	11.693.276.043	18.745.750.841	17.465.750.841	17.465.750.841
-	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh ⁽⁴⁾	3.975.759.511	3.975.759.511	3.975.759.511	-	-	-
-	Vay cá nhân	2.000.000.000	2.000.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
b) Vay dài hạn		17.716.141.747	17.716.141.747	2.015.271.500	9.106.657.293	24.807.527.540	24.807.527.540
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng ⁽⁵⁾	11.485.185.210	11.485.185.210	-	5.275.314.381	16.760.499.591	16.760.499.591
-	Ngân hàng TMCP quân đội - CN Hải Phòng ⁽⁶⁾	6.230.956.537	6.230.956.537	2.015.271.500	3.831.342.912	8.047.027.949	8.047.027.949
c) Thuê tài chính		425.599.991	425.599.991	-	381.221.324	806.821.315	806.821.315
-	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN ⁽⁷⁾	425.599.991	425.599.991	-	381.221.324	806.821.315	806.821.315
Cộng		275.010.110.269	275.010.110.269	291.486.050.389	288.264.132.886	271.788.192.766	271.788.192.766

Thời hạn	Năm nay		Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền TTC	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền TTC	Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
- Trên 1 đến 5 năm	438.189.070	381.221.324	626.786.447	107.543.771
				519.242.676

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)

(1) Vay Ngân hàng SHB Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 670/2018/HDHM-PN/SHB 110400 ngày 26/07/2018, thời hạn vay là 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 250 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản quy định trong hợp đồng thế chấp số 391/14.BĐ/133.PTV ngày 19/03/2014; Hợp đồng số 733/KD/09.TCTS ngày 30/12/2008; Hợp đồng số 1075/12.BĐ/346.NA ngày 30/05/2014; Hợp đồng số 0502/2013/TCQĐN/SHB.HP ngày 04/02/2013; Hợp đồng số 392A/14/BĐ/134.PTV ngày 19/03/2014 và Hợp đồng số 393/14.BĐ/135/PTV ngày 19/03/2014, Hợp đồng thế chấp số 17811/2014/HĐTC-QĐN/SHB 110400 ngày 28/11/2014, Hợp đồng thế chấp số: 5805/2015/HĐTC-QĐN/SHB 110400 ngày 04/05/2015, Hợp đồng thế chấp số: 14412/2016/TCQĐN/SHB/ 114000 ngày 02/12/2016, Hợp đồng thế chấp số: 164/2018/TCQĐN/SHB.11040 ngày 23/03/2018, Hợp đồng thế chấp số: 303/2018/TCQĐN/SHB.110400 ngày 14/06/2018.

(2) Vay Ngân hàng TMCP An Bình – CN Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 3586/18 TD-TT/XI ngày 27/07/2018, thời hạn vay 31/03/2019, hạn mức vay tối đa là 40 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động thanh toán chi phí đầu vào hợp lý phục vụ thực hiện Hợp đồng thi công chế tạo tuyến ống ngầm cấp khí N2/O2/H2 ngày 03/04/2018 giữa Công ty CP Gas Việt Nhật và Công ty cổ phần Lilama 69-2, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo trong hợp đồng thế chấp số 3860/18/TC-TT/XI.

- Hợp đồng cho vay từng lần số 5650/18 TD-TT/XI ngày 03/12/2018, hạn mức vay tối đa là 12.5 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động thanh toán chi phí đầu vào hợp lý phục vụ thực hiện Hợp đồng thi công chế tạo số: 98/2018/HĐ/OCC-LILAMA 69-2 ngày 05/05/2018 giữa Công ty TNHH xây dựng dân dụng Olympia và Công ty cổ phần Lilama 69-2, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo trong hợp đồng thế chấp số 6006/18/TC-TT/XI.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 29312.18.257.1339407.TD ký ngày 21/08.2018, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 35 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản công ty CP Lilama 69-2 đang nắm giữ đó là máy càn trục thủy lực bánh xích Model QUY 150C mua của công ty CP khoa học sản xuất mô, hóa đơn GTGT số 0092201 ngày 08/08/2008.

(4) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3813/18/HĐTD ký ngày 28/06/2018, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 3 tỷ đồng. Mục đích vay để thanh toán các chi phí vật tư, hàng hóa chi phí nhân công đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6774/18MB/HĐTD ngày 09/10/2018, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 60 tỷ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là lô hàng hình thành từ nguồn vốn vay theo LC nhập khẩu trực tiếp mở tại HDBank.

(5) Khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số SHB13L2306/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để mua sắm thiết bị thi công; thời hạn vay là 54 tháng; lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số SHB14L2106/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để đầu tư Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện; thời hạn vay là 90 tháng;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

lãi suất vay thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án hình thành sau đầu tư.

(6) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 141.15.257.1339407.TD ngày 03/09/2015; thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để thanh toán tiền đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động SXKD. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 64877.16.257.1339407.TD ngày 30/9/2016, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư nâng cao năng lực sản xuất năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng cho vay số 133024.17.257.1339407.TD ngày 28/06/2017, thời hạn cho vay là 48 tháng, số tiền cho vay là 14 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ trung hạn đầu tư sửa chữa, xây mới văn phòng – nhà xưởng và đầu tư máy móc thiết bị, lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(7) Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng thuê tài chính 43.16.01/CTTC ngày 11/8/2016, thời hạn 48 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 972.800.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi suất cơ bản đồng Việt Nam do Công ty cho thuê tài chính – NHTMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán cộng biên độ 2,3%.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

5.15 Vốn chủ sở hữu**5.15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	82.982.430.000	36.462.273	-	-	-	-	18.895.511.054	-	3.333.125.863	2.893.907.563	108.141.436.753	-	-	-
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.300.243.692	1.300.243.692	-	-	1.300.243.692
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	696.534.988	-	-	-	696.534.988	-	-	696.534.988
- Tăng khác	-	-	-	-	272.269.693	-	-	-	-	10.609.077	282.878.770	-	-	282.878.770
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(870.668.734)	(870.668.734)	-	-	(870.668.734)
- Giảm khác	-	-	-	-	(272.269.693)	-	-	-	-	-	(272.269.693)	-	-	(272.269.693)
31/12/2018	82.982.430.000	36.462.273	-	-	-	-	19.592.046.042	-	3.333.125.863	3.334.091.598	109.278.155.776	-	-	109.278.155.776

(*)Phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 130/NQ-DHĐCĐ 2018 ngày 19/5/2018:

- Trích quỹ đầu tư phát triển:	696.534.988	đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	174.133.746	đồng
Tổng cộng	870.668.734	đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

5.15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	37.305.150.000	37.305.150.000
- Vốn góp của cổ đông khác	45.677.280.000	45.677.280.000
Cộng	82.982.430.000	82.982.430.000

5.15.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Doanh thu	431.497.777.655	439.313.222.104
- Doanh thu hoạt động xây lắp	347.460.201.772	321.049.822.909
- Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ khác	84.037.575.883	118.263.399.195
Cộng	431.497.777.655	439.313.222.104

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn hoạt động xây lắp	310.752.372.904	286.352.287.418
- Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ khác	80.883.003.931	115.994.680.245
Cộng	391.635.376.835	402.346.967.663

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.782.540	48.601.335
- Lãi chênh lệch tỷ giá	153.132.703	67.976.021
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	173.854.194	27.455.712
Cộng	361.769.437	144.033.068

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.614.657.520	8.263.726.876
Phải thu khách hàng và phải thu khác	249.882.679.923	266.743.291.830
Cộng	256.497.337.443	275.007.018.706
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	275.010.110.269	271.788.192.766
Phải trả người bán và phải trả khác	75.827.303.039	138.591.133.223
Chi phí phải trả	57.643.711.879	19.418.710.847
Cộng	408.481.125.187	429.798.036.836
Trạng thái ròng	(151.983.787.744)	(154.791.018.130)

Tại ngày 31/12/2018 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Vay và nợ thuê tài chính	256.868.368.531	18.141.741.738	275.010.110.269
Phải trả người bán và phải trả khác	75.827.303.039	-	75.827.303.039
Chi phí phải trả	57.643.711.879	-	57.643.711.879
Cộng	390.339.383.449	18.141.741.738	408.481.125.187
Số đầu năm			
Vay và nợ thuê tài chính	246.173.843.911	25.614.348.855	271.788.192.766
Phải trả người bán và phải trả khác	138.591.133.223	-	138.591.133.223
Chi phí phải trả	19.418.710.847	-	19.418.710.847
Cộng	404.183.687.981	25.614.348.855	429.798.036.836

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

6.9 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngoại tệ các loại		
- USD	2.721,21	1.103,74
- EUR	4.338,10	485,27

7 Thông tin khác**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT	1.459.697.214	2.047.000.000
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	1.459.697.214	2.047.000.000

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	Cổ đông lớn	Doanh thu thực hiện	33.644.278.141	40.520.948.235
		Chi phí mua vật tư	3.921.761.196	49.986.975.412

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc.



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Trần Thị Hường
Kế toán trưởng

Trần Thị Hằng
Người lập